TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đồng Xuân Dũng

Bà Bùi Thúy Mở

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 438/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thanh H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Tổ 2, khu C, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lương Quý T; địa chỉ: Thôn 1, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 9 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thanh H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Dương Thanh H kết hôn với anh Lương Quý T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố

Hải Phòng vào ngày 20 tháng 8 năm 2009. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T mải chơi, thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, chị H đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không thay đổi mà còn nợ nần, cầm cố tài sản trong gia đình dẫn đến cuộc sống chung không thống nhất, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xảy ra cãi mắng, xúc phạm lẫn nhau, có lần anh T còn đánh chị H. Do mâu thuẫn, chị H đã bỏ về ăn ở tại nhà mẹ đẻ ở tổ 2, khu C, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh và sống ly thân với anh T từ tháng 5 năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Quý T.

Về con chung: Chị Dương Thanh H và anh Lương Quý T có 01 con chung tên Lương Quý T, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2009, hiện con chung đang ăn ở, sinh sống cùng chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị H trình bày chị và anh T tự thỏa thuận giao nhận với nhau nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Dương Thanh H và anh Lương Quý T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lương Quý T có nơi cư trú tại thôn 1, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án anh Lương Quý T không hợp tác, cố tình trốn tránh. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho anh T nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Lương Quý T vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thanh H.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho ly hôn giữa chị Dương Thanh H và anh Lương Quý T. Giao con chung Lương Quý T, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2009 cho chị

Dương Thanh H trực tiếp nuôi đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung chị H không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy chứng minh nhân dân; bản sao khai sinh của con; Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lương Quý T đang cư trú tại thôn 1, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Lương Quý T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lương Quý T.

[2] Về hôn nhân: Chị Dương Thanh H và anh Lương Quý T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 8 năm 2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, căng thẳng nhất là năm 2014. Theo tài liệu xác minh tại địa phương và gia đình thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, bất đồng quan điểm, bản thân anh T mải chơi, nợ nần, cầm cố tài sản trong gia đình, thiếu quan tâm chăm sóc vợ con dẫn đến thường xuyên cãi mắng, xúc phạm lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại tổ 2, khu C, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh từ tháng 5 năm 2014 và sống ly thân với anh T từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án anh Lương Quý T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, thể hiện anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H và không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thanh H và anh Lương Quý T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Dương Thanh H được ly hôn anh Lương Quý T.

[3] Về con chung: Chị Dương Thanh H và anh Lương Quý T có 01 con chung là Lương Quý T, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2009. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét từ khi sống ly thân đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt. Cháu Lương Quý T có nguyện vọng ở với mẹ nên căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Lương Quý T cho chị Dương Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị H đề nghị để chị và anh T tự thỏa thuận giao nhận với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị Dương Thanh H khai chị và anh Lương Quý T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, chưa có lời khai của anh Lương Quý T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Dương Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Thanh H và anh Lương Quý T.

2. Về con chung: Giao con chung Lương Quý T, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2009 cho chị Dương Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Dương Thanh H và anh Lương Quý T tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Dương Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Hòa đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009120 ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên. Chị Dương Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thanh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lương Quý T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hà